

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN BÌNH LIÊU  
TỈNH QUẢNG NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 04/01/2024

V/v tranh chấp về ly hôn,  
nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH LIÊU – TỈNH QUẢNG NINH

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hoàng Ngọc Hải.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Trần A Tám.

2. Bà Hoàng Thị Niên.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Lục Văn Biên, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Liêu, tỉnh Quảng Ninh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Liêu, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa:** Ông Lê Quang Phúc - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 01 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Liêu, tỉnh Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 13/2023/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2023 về “tranh chấp về ly hôn, nuôi con khi ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2023 và quyết định hoãn phiên tòa số: 07/2023/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị La Thị T, sinh năm: 1983; nơi cư trú: thôn C, xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Ninh (Vắng mặt; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: anh Bùi Thượng T, sinh năm: 1982; nơi cư trú: thôn C, xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Ninh (Vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 11/10/2023 và biên bản lấy lời khai, nguyên đơn chị La Thị T trình bày: chị và anh Bùi Thượng T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 08/02/2002 tại Ủy ban nhân dân xã Đồng Tâm, huyện Bình Liêu, tỉnh Quảng Ninh. Sau khi kết hôn, vợ chồng ở riêng tại thôn C, xã Đ. Cuộc sống vợ chồng bình thường cho đến khi chị mang thai con đầu lòng thì nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do chồng chị hay ra ngoài rượu chè, cờ bạc cùng bạn bè, mỗi lần về hỏi chị lấy tiền không được thì chửi bới, đuổi vợ con ra khỏi nhà, thậm chí còn nhiều lần đánh chị, túm tóc, đập đầu chị vào tường. Lần

gần đây nhất anh T đánh chị là ngày 03/6/2019, anh ta lấy thanh sắt đánh vào bắp chân chị toét cả da thịt, khiến chị phải đi viện điều trị, nhưng do anh T không đưa giấy tờ cho chị nên không thể làm thủ tục nhập viện, chỉ khám lấy thuốc rồi về. Sau thời gian đó, chị ra ngoài làm thuê, đúng thời điểm dịch Covid bùng phát nên không thể về nhà, vợ chồng ly thân kể từ đó, không liên lạc với nhau và cũng không ai quan tâm nhau nữa. Bản thân chị T đã tìm mọi biện pháp để khuyên nhủ anh T nhưng không có kết quả. Đến nay, tình cảm yêu thương vợ chồng đã hết, nên chị T đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh Bùi Thượng T.

Về con chung: chị T và anh T có 03 con chung là: Bùi Thúy H, sinh ngày 15/5/2002; Bùi Thúy T, sinh ngày 19/3/2004, đều đã thành niên nên không đề cập giải quyết; đối với cháu Bùi Thúy V, sinh ngày 27/01/2012, trong đơn khởi kiện chị có nguyện vọng để anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc; chị tự nguyện cấp dưỡng cho nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000đ (một triệu đồng). Tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án anh T không đến Tòa án để trình bày quan điểm của mình, do đó để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cháu V, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu V; chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng cho con chung. Công việc hiện nay của chị là lao động tự do, thu nhập trung bình hàng tháng khoảng 6.000.000đ (sáu triệu đồng).

Về tài sản chung, khoản nợ chung: tài sản chung, vợ chồng tự thỏa thuận, nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Bùi Thượng T trong quá trình giải quyết vụ án đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn cố tình vắng mặt, không có mặt để trình bày quan điểm của mình cũng như không tham gia hòa giải.

Qua xác minh ở nơi cư trú thể hiện: chị T và anh T sinh sống trên địa bàn thôn, trong quá trình sinh sống vợ chồng mâu thuẫn, dẫn tới cãi cọ, xô xát, thậm chí có vài lần xảy ra đánh nhau. Còn sự việc cụ thể thôn không nắm rõ vì khi xảy ra mâu thuẫn chị T, anh T không báo cho thôn biết.

Tại phiên Tòa hôm nay, chị T có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Liêu có quan điểm:

I. Về tuân theo pháp luật tố tụng.

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán.

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử đã thực hiện đúng quy định khoản 2 Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc giao các thông báo, quyết định tố tụng, hồ sơ cho Viện kiểm sát, tổng đạt các thông báo, quyết định về tố tụng cho các đương sự đảm bảo đầy đủ, đúng thời hạn quy định.

2. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

### 3. Việc chấp hành pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng.

Nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa hôm nay, chị T vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Bị đơn đều vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay gây ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, vi phạm quy định tại khoản 15, 16 Điều 70 BLTTDS.

- Về việc giải quyết vụ án: căn cứ quy định tại các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị La Thị Thắm về việc ly hôn với anh Bùi Thượng T, giao con chung là cháu Bùi Thúy V cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi, anh T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa, Hội đồng Xét Xử nhận định:*

[1] Về pháp luật tố tụng: về quan hệ tranh chấp, chị La Thị T khởi kiện xin ly hôn, nuôi con khi ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Về thẩm quyền giải quyết; bị đơn anh Bùi Thượng T có địa chỉ nơi cư trú tại: thôn C, xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Ninh. Căn cứ quy định tại điểm a khoản 1 điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án huyện Bình Liêu.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho đương sự theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; tại phiên Tòa, bị đơn anh T vắng mặt dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2; nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt chị T và anh T theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: quan hệ hôn nhân giữa chị La Thị T và anh Bùi Thượng T được xác lập trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn theo luật định. Là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Trong quá trình chung sống vợ chồng chị T anh T đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T ham rượu chè, cờ bạc cùng bạn bè, mỗi lần về hỏi chị lấy tiền không được thì chửi bới, đuổi vợ con ra khỏi nhà. Chị T đã cùng gia đình khuyên nhủ anh T nhiều lần nhưng không có kết quả. Từ đó làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Anh T đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần để giải quyết việc chị T xin ly hôn nhưng vẫn cố tình vắng mặt không lý do, như vậy thể hiện anh T không có nguyện vọng và biện pháp hòa giải để vợ, chồng đoàn tụ vì vậy, chị La Thị T khởi kiện xin ly hôn anh Bùi Thượng T là có căn cứ phù hợp

với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, nên cần chấp nhận.

[4] Về con chung: đối với các con chung: Bùi Thúy H sinh, ngày 15/5/2002 và Bùi Thúy T, sinh ngày 19/3/2004 đều đã thành niên nên không đề cập giải quyết. Đối với cháu Bùi Thúy V, sinh ngày 27/01/2012, chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu V. Xét thấy, chị T là lao động tự do, thu nhập trung bình hàng tháng khoảng 6.000.000đ (sáu triệu đồng), nên có đủ điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng cháu V, vì vậy việc giao cháu cho chị T chăm sóc, nuôi dưỡng là hợp tình, hợp lý phù hợp với nguyện vọng của cháu V, phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82 và Điều 83 luật hôn nhân và gia đình nên chấp nhận.

[5] Về cấp dưỡng cho con chung: xét thấy việc chị T không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung là hoàn tự nguyện, không bị ai ép buộc nên chấp nhận.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7] Về án phí: chị La Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ; Khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147 điểm b khoản 2 điều 227; Khoản 1, 3 điều 228; Điều 238; Điều 271; Khoản 1 điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 điều 51; Khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn, nuôi con khi ly hôn của chị La Thị T.

1. Về quan hệ hôn nhân: chị La Thị T được ly hôn với anh Bùi Thượng T.
2. Về con chung: giao con chung Bùi Thúy V, sinh ngày 27/01/2012 cho chị La Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.
3. Về cấp dưỡng cho con chung: anh T không phải cấp dưỡng cho con chung.
4. Về án phí: chị La Thị T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà chị T đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng số: 0005302 ngày 16 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Bình Liêu; chị T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự.
- Chi cục T.H.A D.S huyện Bình Liêu.
- TAND tỉnh Quảng Ninh.
- VKSND huyện Bình Liêu.
- UBND xã Đông Tâm, huyện Bình Liêu.
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Hoàng Ngọc Hải**